

외국인 유학생 건강보험 적용 안내

Guide for International Students Subscribing
to National Health Insurance

2021.3.1.부터 외국인 유학생도
국민건강보험에 가입됩니다



2021년 2월 제작

외국인 유학생 건강보험 적용 안내

Guide for International Students Subscribing
to National Health Insurance



- 自2021年3月1日起外国留学生也可以加入国民健康保险 -



参保对象

- 留学生、外国人和在外国民



参保时间

※ 在韩滞留的留学生中, 未加入健康保险的留学生在2021年3月1日自动参保

滞留资格区分	适用时间
留学 (D-2)、 小初高中生 (D-4-3)	首次入境 ➡ 外国人登记日
	再入境 ➡ 再入境日
一般研修 (D-4)	自入境日起6个月后参保
在外国民·在外同胞留学生	入境后入学日参保 (提交在读证明时)



征收保险费

- 2021年度留学生保险费：43,490韩元 (3月1日参保者)
- 4月保险费 39,540韩元 + 3月保费10次分期缴费中的1次 3,950韩元
 - 👁 缴纳超出本地自费参保人平均保险费的人员除外
 - 👁 以每户为标准, 只有收入金额在360万韩元以下、财产课税标准在13,500万韩元以下时才适用减轻政策
- (减少保险费)
 - 为了减轻留学生的保险费负担, 优惠从1年50% → 扩大至70% (减少)

现行	➡	2021.3 - 2022.2
减少50%		减少70%

※ 为了减轻留学生的保险费负担, 2021年3月的保险费分10次分期缴纳
实际保险费：43,490韩元 = 4月保险费 (39,540韩元) + 3,950韩元 (3月1次分期结算费用)

- (缴纳保险费)
 - (缴纳时间) 每月25日前预缴次月保险费
 - (示例) 2021年4月保险费 → 2021年3月25日前缴纳 (每月10日左右发送通知单)
 - (缴纳方法) 自动转账(存折·银行卡)、公团网站、公团支社、银行



征收保险费

- (申请电子通知·自动转账和退款账户)：致电、登陆官网、访问中心或支社进行申请
 - 可以代替邮件通知单, 申请电子邮箱或手机通知单
 - 申请自动转账时, 可以方便地缴纳保险费, 登记退款账户时, 可以迅速地接收退款

Android

iPhone (iOS)



* Electronic billing



健康保险优惠 自参保日起即可使用

- (与韩国人享受同等优惠) 可以享受牙科·韩医院诊疗、体检、怀孕·分娩相关的诊疗费 (国民幸福卡) 和各种优惠
- ※ 治疗对工作或日常生活没有妨碍的疾病等时, 不适用健康保险 (例) 以美容为目的的手术等

※ (本人负担额) 利用疗养机构时, 仅负担部分费用

- 门诊：健康保险适用费用总额的30%-60%
(根据疗养机构的种类和所在地发生差异, 住院诊疗适用20%)

- ※ 普通体验以出生年份为基准, 每2年 (非办公室岗位1年) 实施1次以上
… 2021年出生者是奇数年份出生者



滞纳保险费时的不利后果

- (保险赔付限制) 滞纳保险费时, 从缴纳截止日的次月1日开始到缴清保险费前, 无法在医院·诊所等获得保险优惠
- (签证延期等限制) 向法务部申请签证延期等滞留许可时, 发生不利后果
 - (例外) 滞纳的健康保险费不满50万韩元、其他征收金不满10万韩元时, 签证延期不受限制
- (滞纳处分) 规定期限并催缴、在该期限到来前未缴纳时, 可以执行扣押不动产、汽车、存款等的强制征收程序
 - 滞纳金可以分期缴纳, 缴清滞纳保险费时解除保险赔付限制, 可以获得保险赔付



与民间保险的区别

- (直接赔付) 接受诊疗后无需另行履行保险金申请程序
- (保障次数·金额) 次数·金额无限制 * 部分费用由本人负担
- (本人负担金上限制) 根据参保人的收入水平划分为7个阶段, 每年退还本人负担金的超出金额
- (怀孕·分娩诊疗费支援) 提供用于怀孕·分娩相关的诊疗和购买处方药剂·治疗材料的使用券 (国民幸福卡), 可以在健康保险公团全韩国各支社和金融机构申请



参保程序

- 即使留学生没有另行向公团申报, 也自动进行加入处理
- 向韩国境内滞留地 (居住地) 发送健康保险证和参保指南

※ 但是, 以下情况必须访问附近的支社进行申报
(首尔·京畿·仁川地区须向管辖地的外国人信访中心申报)

- 想和家属 (配偶及未成年子女) 一起缴纳保险费时
- 在韩国留学的在外国民或在外同胞 (F-4) 参保时
- 滞留地 (居住地)、护照号码、滞留资格等发生变更时

※ 通过外国法令、外国保险、与雇主签订的合同获得 (相当于法律第41条规定的) 医疗保障时, 可以申请不加入健康保险



家属认定标准和文件提交标准

- 想和家属一起缴纳保险费时的申请程序
 - 对象: 配偶及未满19周岁的未成年子女 (韩国境内滞留地必须相同)
 - 家属关系证明材料提交标准
 - ① 发放家属·婚姻关系文件
 - ② 国籍局外交部或Apostille网站确认
 - ③ 韩文翻译公证

※ (文件有效期)

- 韩国境内签发文件: 自签发日起3个月
- 韩国境外签发文件: 文件发放日或外交部 (Apostille网站) 确认日起9个月

外国人信访中心运营指南 首尔和首都圈

- (处理业务) 健康保险本地自费参保人和被扶养人的资格取得、资格管理、保险费收款等
- (使用对象) 居住在以下地区的外国人和在外国民访问管辖地区内的中心

中心名称	管辖地区	中心指南
首尔中心	首尔全境	
安山中心	安山、始兴、军浦	
水原中心	水原、龙仁、华城、乌山、城南	
仁川中心	仁川、富川、金浦、光明	
议政府中心	议政府、南杨州、加平、抱川、东豆川、涟川、杨州、九里、高阳、坡州	

※ 如果居住在其他地区, 可以访问附近的健康保险公团支社



电话 / 咨询

 1577-1000

 033-811-2000

外语
(英语、汉语、越南语、乌兹别克语)

※ 利用时间：平日上午9点 ~ 下午6点

- Kể từ ngày 1.3.2021, du học sinh người nước ngoài cũng sẽ phải tham gia bảo hiểm y tế quốc dân -



Đối tượng tham gia

- Du học sinh, người nước ngoài và công dân cư trú tại nước ngoài



Thời gian tham gia

※ Du học sinh đang cư trú tại Hàn Quốc mà chưa tham gia bảo hiểm y tế sẽ bắt buộc phải tham gia từ ngày 1.3.2021.

Phân loại tư cách lưu trú	Thời điểm áp dụng
Du học (D-2), Học sinh tiểu học, THCS, THPT (D-4-3)	Nhập cảnh lần đầu ➡ Ngày đăng ký người nước ngoài
	Tái nhập cảnh ➡ Ngày tái nhập cảnh
Đào tạo tổng hợp (D-4)	Tham gia sau khi 6 tháng kể từ ngày nhập cảnh
Du học sinh là kiều bào ở nước ngoài, công dân trú tại nước ngoài	Được tham gia vào ngày nhập học sau khi nhập cảnh (Nếu trình ra giấy chứng nhận đang theo học tại trường)



Nộp phí bảo hiểm

- Phí bảo hiểm của du học sinh năm 2021: 43.490 won (Người tham gia từ ngày 1.3.)
- Phí bảo hiểm tháng 4 là 39.540 won + 3.950 won tương đương với 1 lần trong số 10 lần trả góp phí bảo hiểm tháng 3
 - ☞ Ngoại trừ trường hợp nộp nhiều hơn mức phí bảo hiểm trung bình của người tham gia bảo hiểm tại địa phương
 - ☞ Chỉ giảm trong trường hợp thu nhập tính theo hộ gia đình ở mức dưới 3,6 triệu won và tổng tài sản là căn cứ tính thuế dưới 135 triệu won
- (Giảm phí bảo hiểm)
Để giảm tải gánh nặng phí bảo hiểm cho du học sinh, tỷ lệ giảm phí tăng lên từ 50% → 70% trong 1 năm

Hiện hành	➡	3.2021. ~ 2.2022.
Giảm 50%		Giảm 70%

※ Để giảm tải gánh nặng phí bảo hiểm, phí bảo hiểm của tháng 3.2021. sẽ được chia ra nộp thành 10 lần.

Phí bảo hiểm thực tế: 43.490 won = Phí bảo hiểm hàng tháng (39.540 won) + 3.950 won (1 lần nộp trả góp)

- (Nộp phí bảo hiểm)

- (Thời gian nộp) Nộp trước phí bảo hiểm của tháng sau, hạn nộp là ngày 25 hàng tháng

→ (Ví dụ) Phí bảo hiểm tháng 4.'21. → Hạn nộp là đến hết 25.3.'21. (Gửi thông báo vào khoảng ngày mùng 10 hàng tháng)



Nộp phí bảo hiểm

- (Cách thức nộp) Chuyển khoản tự động (tài khoản, thẻ), trang chủ, chi nhánh cơ quan bảo hiểm, ngân hàng
- (Đăng ký nhận thông báo điện tử, chuyển khoản tự động và tài khoản nhận hoàn tiền): Đăng ký qua điện thoại, trang chủ, trung tâm, chi nhánh
 - Có thể đăng ký nhận thông báo qua điện thoại di động hoặc email thay cho thông báo gửi qua đường bưu điện.
 - Đăng ký chuyển khoản tự động để nộp tiền tiền lợi, đăng ký trước tài khoản nhận hoàn tiền để được chi trả nhanh chóng.

Android



iPhone (iOS)



* Electronic billing



Phúc lợi bảo hiểm y tế Có thể sử dụng kể từ ngày tham gia

- (Hưởng phúc lợi giống như người Hàn Quốc) Có thể được hưởng nhiều ưu đãi, phí khám chữa bệnh liên quan đến mang thai, sinh đẻ (Thẻ hạnh phúc quốc dân), khám sức khỏe, phí khám chữa bệnh tại nha khoa, phòng khám Đông y.
- ※ Ngoại trừ các nội dung không áp dụng bảo hiểm y tế như điều trị bệnh không gây trở ngại cho cuộc sống sinh hoạt thường ngày hoặc công việc (Ví dụ: Phẫu thuật vì mục đích thẩm mỹ v.v.)

※ (Phần chi phí bản thân người được bảo hiểm phải chi trả) Thanh toán một phần chi phí khi sử dụng cơ sở y tế

- Khám chữa bệnh ngoại trú: 30~60% tổng tiền phí bảo hiểm áp dụng bảo hiểm y tế (Tùy theo loại hình cơ sở y tế và địa điểm mà sẽ có sự khác biệt, áp dụng mức 20% phí nhập viện và khám chữa bệnh)

- ※ Việc khám sức khỏe tổng quát được thực hiện dựa trên năm sinh, mỗi 2 năm (1 năm nếu không phải là nhân viên văn phòng) từ 1 lần trở lên... Năm 2021 là khám cho những người sinh năm lẻ.



Những điều bất lợi gặp phải khi không nộp phí bảo hiểm

- (Hạn chế nhận trợ cấp bảo hiểm) Không được nhận phúc lợi trợ cấp bảo hiểm y tế tại các bệnh viện và phòng khám kể từ ngày mùng 1 của tháng tiếp sau tháng có ngày đến hạn nộp cho đến khi thanh toán đầy đủ.
- (Hạn chế gia hạn visa) Gặp bất lợi khi xin cấp phép lưu trú như gia hạn visa với Bộ Tư pháp.
- (Ngoại lệ) Trường hợp chậm nộp phí bảo hiểm y tế dưới 500 ngàn won, chậm nộp các khoản phải đóng khác dưới 100 ngàn won thì không hạn chế gia hạn visa.
- (Xử lý chậm nộp) Đặt ra kỳ hạn để đốc thúc việc nộp tiền, nếu đến kỳ hạn đó mà vẫn chưa nộp phí bảo hiểm thì có thể tiến hành thủ tục cưỡng chế thu như tịch biên bất động sản, xe ô tô, tiền gửi, v.v..



Những điều bất lợi gặp phải khi không nộp phí bảo hiểm

→ Có thể nộp trả góp đối với khoản tiền chậm nộp, khi thanh toán hết tiền phí bảo hiểm chậm nộp thì sẽ được hủy bỏ hạn chế nhận trợ cấp bảo hiểm và sẽ có thể sử dụng trợ cấp bảo hiểm.



Điểm khác biệt với bảo hiểm tư nhân

- **(Phúc lợi nhận ngay lập tức)** Không cần thực hiện thủ tục yêu cầu tiền bảo hiểm sau khi khám chữa bệnh.
- **(Số lần và số tiền bảo đảm)** Không hạn chế số lần và số tiền
* Bản thân người được bảo hiểm chỉ trả một phần chi phí.
- **(Giới hạn trên của số tiền mà bản thân người được bảo hiểm phải chi trả)** Phân ra thành 7 bậc tùy theo mức thu nhập của người tham gia và hoàn trả số tiền vượt quá mà bản thân người được bảo hiểm đã chi trả mỗi năm
- **(Hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh, khám thai và sinh đẻ)** Cung cấp vé sử dụng (voucher card) để có thể dùng được khi mua vật tư điều trị, thuốc được kê đơn và khi khám thai, sinh đẻ. Có thể đăng ký và nhận thẻ tại các chi nhánh và cơ quan tài chính trên toàn quốc.



Thủ tục đăng ký tham gia

- Cơ quan bảo hiểm tự động xử lý tham gia bảo hiểm cho du học sinh mà không cần phải đăng ký.
- Gửi bản hướng dẫn tham gia và thẻ bảo hiểm y tế đến địa chỉ lưu trú (nơi cư trú) ở Hàn Quốc.

※ Tuy nhiên, nhất định phải đến chi nhánh gần nhất để khai báo trong trường hợp dưới đây.

(Đối với Seoul, Gyeonggi, Incheon thì khai báo với Trung tâm dân nguyện người nước ngoài quản lý nơi cư trú.)

- Trường hợp nộp phí bảo hiểm cùng với gia đình (người bạn đời và con cái vị thành niên)
- Trường hợp công dân cư trú ở nước ngoài hoặc kiều bào nước ngoài (F-4) đang du học tại Hàn Quốc
- Trường hợp có nội dung thay đổi như địa chỉ lưu trú (nơi cư trú), số hộ chiếu, tư cách lưu trú, v.v.

※ Trong trường hợp có thể được bảo đảm y tế tương đương với khoản trợ cấp bảo hiểm y tế (khoản trợ cấp chăm sóc y tế theo Điều 41 Luật Bảo hiểm y tế) dựa trên luật của nước ngoài, bảo hiểm nước ngoài, hợp đồng với người sử dụng nên không cần phải có bảo hiểm y tế thì sẽ có thể đăng ký xin không tham gia bảo hiểm y tế.



Tiêu chuẩn công nhận là gia đình và tiêu chuẩn nộp tài liệu

- Thủ tục đăng ký khi muốn nộp phí bảo hiểm cùng với gia đình
 - Đối tượng: Người bạn đời và con cái vị thành niên dưới 19 tuổi (Địa chỉ lưu trú trong nước phải giống nhau)
 - Tiêu chuẩn nộp giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình
 - ① Cấp tài liệu chứng minh quan hệ gia đình và hôn nhân
 - ② Xác nhận Apostille hoặc xác nhận của Cục Quốc tịch - Bộ Ngoại giao
 - ③ Công chứng dịch tiếng Hàn

※ (Thời gian có hiệu lực của giấy tờ)

- Giấy tờ cấp tại Hàn Quốc: 3 tháng kể từ ngày cấp
- Giấy tờ cấp tại nước ngoài: 9 tháng kể từ ngày có xác nhận của Bộ Ngoại giao (Apostille) hoặc ngày cấp tài liệu



Hướng dẫn về việc vận hành Trung tâm dân nguyện ngoài nước ngoài Seoul và vùng thủ đô

- **(Công việc xử lý)** Cấp tư cách tham gia cho người tham gia bảo hiểm y tế tại địa phương và người phụ thuộc, quản lý tư cách, thu phí bảo hiểm, v.v.
- **(Đối tượng sử dụng)** Người nước ngoài cư trú ở các địa phương dưới đây và công dân sống tại nước ngoài sử dụng các trung tâm tương ứng.

Tên trung tâm	Khu vực quản lý	Hướng dẫn về trung tâm
Trung tâm Seoul	Toàn bộ Seoul	
Trung tâm Ansan	Ansan, Siheung, Gunpo	
Trung tâm Suwon	Suwon, Yongin, Hwaseong, Osan, Seongnam	
Trung tâm Incheon	Incheon, Bucheon, Gimpo, Gwangmyeong	
Trung tâm Uijeongbu	Uijeongbu, Namyangju, Gapyeong, Pocheon, Dongducheon, Yeoncheon, Yangju, Guri, Goyang, Paju	

※ Trường hợp cư trú ở các khu vực khác thì hãy đến chi nhánh gần nhất.